

Số: 11/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 7 năm 2025

### NGHỊ QUYẾT

**Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Kết luận số 163-KL/TW ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Thực hiện Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Thực hiện Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 36-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 37-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 3186-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Kạn năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 3207-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Thực hiện Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Thực hiện Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về quản lý biên chế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 2333-QĐ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc giao biên chế của khối chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1517-QĐ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về giao biên chế khối chính quyền tỉnh năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1564-QĐ/TU ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về điều chuyển biên chế từ khối Đảng sang khối chính quyền;

Thực hiện Quyết định số 1584-QĐ/TU ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về điều chỉnh biên chế khối chính quyền tỉnh năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 31-QĐ/TU ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc tạm giao tổng biên chế khối chính quyền địa phương;

Thực hiện Quyết định số 29-QĐ/TU ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc tạm giao tổng biên chế cho các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Xét Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh năm 2025 là: **2.080** biên chế.

**Điều 2.** Tạm giao tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025 là: **4.930** biên chế.

**Điều 3.** Tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025: **34.005** biên chế, trong đó:

- Cấp tỉnh: **9.565** biên chế, bao gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 3.617 biên chế;

+ Sự nghiệp y tế: 4.247 biên chế;

+ Sự nghiệp Văn hóa, thông tin, thể thao: 296 biên chế;

+ Sự nghiệp khác: 1.405 biên chế.

- Cấp xã: **24.440** biên chế, bao gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 23.979 biên chế;

+ Sự nghiệp khác: 461 biên chế.

**Điều 4.** Tạm giao biên chế của các hội thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025: 91 biên chế.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)*

**Điều 5.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 272/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về tạm giao tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về tạm giao biên chế cán bộ, công chức, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2025./. *Ch*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương  
đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên;  
Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. *Ch*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Bình**

**Phụ lục I**

**Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số **M** /NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó					Ghi chú	
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc					
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Biên chế sự nghiệp Y tế	Biên chế sự nghiệp Văn hóa, TTTT		Sự nghiệp khác
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.645</b>	<b>2.080</b>	<b>9.565</b>	<b>3.617</b>	<b>4.247</b>	<b>296</b>	<b>1.405</b>	
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	75	75	-	-	-	-	-	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	171	108	63	-	-	-	63	
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	42	42	-	-	-	-	-	
4	Sở Nội vụ	257	135	122	-	14	-	108	
5	Thanh tra tỉnh	192	192	-	-	-	-	-	
6	Sở Tư pháp	130	48	82	-	-	-	82	
7	Sở Tài chính	181	154	27	-	-	-	27	
8	Sở Công Thương	243	189	54	-	-	-	54	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó					Ghi chú	
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc					
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Biên chế sự nghiệp Y tế	Biên chế sự nghiệp Văn hóa, TTTT		Sự nghiệp khác
9	Sở Xây dựng	166	144	22	-	-	-	22	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	172	85	87	-	-	-	87	
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.244	575	669	-	-	-	669	
12	Sở Y tế	4.492	107	4.385	2	4.231	-	152	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.257	87	3.170	3.153	-	-	17	
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	450	86	364	29	2	296	37	
15	Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên	53	53	-	-	-	-	-	
16	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	25		25				25	Tạm giao biên chế sự nghiệp để thực hiện ổn định tự chủ đến hết năm 2025. Từ năm 2026 thực hiện tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó						Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc					
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Biên chế sự nghiệp Y tế	Biên chế sự nghiệp Văn hóa, TTTT	Sự nghiệp khác	
17	Trường Cao đẳng Thái Nguyên	433	-	433	433	-	-	-	
18	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	62	-	62	-	-	-	62	

\* Biên chế dự phòng để thực hiện tinh giản: 74 biên chế sự nghiệp.

**Phụ lục II**

**Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp xã và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số **11**/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>29.370</b>	<b>4.930</b>	<b>24.440</b>	<b>23.979</b>	<b>461</b>	
1	UBND phường Phan Đình Phùng	1.255	105	1.150	1.120	30	
2	UBND phường Tích Lương	712	83	629	624	5	
3	UBND phường Gia Sàng	527	69	458	448	10	
4	UBND phường Linh Sơn	589	77	512	507	5	
5	UBND phường Quan Triều	578	72	506	501	5	
6	UBND phường Quyết Thắng	316	57	259	254	5	
7	UBND xã Đại Phúc	666	69	597	583	14	
8	UBND xã Tân Cương	348	71	277	272	5	
9	UBND phường Phở Yên	594	52	542	537	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
10	UBND phường Vạn Xuân	629	52	577	567	10	
11	UBND phường Phúc Thuận	433	43	390	385	5	
12	UBND phường Trung Thành	482	55	427	422	5	
13	UBND xã Thành Công	384	40	344	339	5	
14	UBND phường Bá Xuyên	383	57	326	321	5	
15	UBND Phường Bách Quang	324	56	268	263	5	
16	UBND phường Sông Công	279	52	227	218	9	
17	UBND xã Phú Lương	736	76	660	650	10	
18	UBND xã Vô Tranh	518	72	446	441	5	
19	UBND xã Hợp Thành	196	52	144	139	5	
20	UBND xã Yên Trạch	360	56	304	299	5	
21	UBND xã Phú Bình	642	86	556	546	10	
22	UBND xã Tân Thành	367	58	309	304	5	
23	UBND xã Diêm Thụy	555	63	492	487	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
24	UBND xã Kha Sơn	588	73	515	510	5	
25	UBND xã Tân Khánh	353	59	294	289	5	
26	UBND xã Đại Từ	391	63	328	323	5	
27	UBND xã An Khánh	299	51	248	243	5	
28	UBND xã La Bằng	282	38	244	239	5	
29	UBND xã Phú Xuyên	318	39	279	274	5	
30	UBND xã Vạn Phú	307	50	257	252	5	
31	UBND xã Đức Lương	225	46	179	174	5	
32	UBND xã Phú Lạc	304	44	260	255	5	
33	UBND xã Phú Thịnh	319	48	271	266	5	
34	UBND xã Quân Chu	230	44	186	181	5	
35	UBND xã Đồng Hỷ	480	58	422	413	9	
36	UBND xã Văn Lãng	228	34	194	189	5	
37	UBND xã Quang Sơn	236	34	202	197	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
38	UBND xã Văn Hán	270	41	229	224	5	
39	UBND xã Nam Hòa	266	39	227	222	5	
40	UBND xã Trại Cau	290	36	254	249	5	
41	UBND xã Định Hóa	427	66	361	351	10	
42	UBND xã Trung Hội	256	53	203	198	5	
43	UBND xã Bình Yên	338	53	285	280	5	
44	UBND xã Kim Phụng	211	44	167	162	5	
45	UBND xã Lam Vỹ	171	40	131	126	5	
46	UBND xã Phú Đình	215	43	172	167	5	
47	UBND xã Bình Thành	185	36	149	144	5	
48	UBND xã Phụng Tiến	259	46	213	208	5	
49	UBND xã Võ Nhai	368	51	317	305	12	
50	UBND xã Tràng Xá	330	36	294	289	5	
51	UBND xã Dân Tiến	402	48	354	349	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
52	UBND xã La Hiên	271	40	231	226	5	
53	UBND xã Thần Sa	195	35	160	155	5	
54	UBND xã Nghinh Tường	193	33	160	155	5	
55	UBND xã Sáng Mộc	121	32	89	84	5	
56	UBND Phường Bắc Kạn	395	80	315	306	9	
57	UBND Phường Đức Xuân	363	80	283	275	8	
58	UBND xã Phong Quang	156	61	95	95		
59	UBND xã Thượng Minh	226	58	168	168		
60	UBND xã Phúc Lộc	256	52	204	204		
61	UBND xã Chợ Rã	299	60	239	225	14	
62	UBND xã Ba Bể	277	56	221	221		
63	UBND xã Đồng Phúc	228	56	172	172		
64	UBND xã Bằng Vân	143	42	101	101		
65	UBND xã Ngân Sơn	225	48	177	164	13	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
66	UBND xã Thượng Quan	94	32	62	62		
67	UBND xã Hiệp Lực	180	42	138	138		
68	UBND xã Nà Phặc	202	46	156	156		
69	UBND xã Chợ Đồn	343	67	276	262	14	
70	UBND xã Quảng Bạch	96	38	58	58		
71	UBND xã Nam Cường	263	55	208	208		
72	UBND xã Yên Thịnh	138	48	90	90		
73	UBND xã Nghĩa Tá	172	51	121	121		
74	UBND xã Yên Phong	160	48	112	112		
75	UBND xã Cường Lợi	144	44	100	100		
76	UBND xã Na Rì	312	54	258	244	14	
77	UBND xã Văn Lang	193	50	143	143		
78	UBND xã Trần Phú	179	49	130	130		
79	UBND xã Côn Minh	173	47	126	126		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
80	UBND xã Xuân Dương	186	49	137	137		
81	UBND xã Vĩnh Thông	143	54	89	89		
82	UBND xã Phú Thông	255	64	191	177	14	
83	UBND xã Bạch Thông	184	57	127	127		
84	UBND xã Cẩm Giàng	249	62	187	187		
85	UBND xã Tân Kỳ	175	47	128	128		
86	UBND xã Thanh Mai	155	46	109	109		
87	UBND xã Thanh Thịnh	195	51	144	144		
88	UBND xã Chợ Mới	281	59	222	208	14	
89	UBND xã Yên Bình	144	49	95	95		
90	UBND xã Bằng Thành	384	69	315	303	12	
91	UBND xã Cao Minh	317	67	250	250		
92	UBND xã Nghiên Loan	284	66	218	218		

### Phụ lục III

**Tạm giao biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số **M**/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số người làm việc tại hội
	<b>Tổng số</b>	<b>91</b>
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	27
2	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	8
3	Hội Đông y tỉnh Thái Nguyên	16
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên	18
5	Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên	9
6	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên	6
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN tỉnh Thái Nguyên	1
8	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Thái Nguyên	1
9	Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Thái Nguyên	2
10	Hội Khuyến học tỉnh Thái Nguyên	1
11	Hội Luật gia tỉnh Thái Nguyên	1
12	Hội Người cao tuổi tỉnh Thái Nguyên	1